

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Dự án số 2, Khu đô thị mới Sao Mai, Lam Sơn - Sao Vàng tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 272/2024/ASM-QLXD ngày 25/11/2024 và Công văn số 340/2024/CV-ASM-QLXD ngày 27/12/2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án số 2, Khu đô thị mới Sao Mai, Lam Sơn - Sao Vàng tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1976/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai, địa chỉ tại Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án số 2, Khu đô thị mới Sao Mai, Lam Sơn - Sao Vàng tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Dự án số 2, Khu đô thị mới Sao Mai, Lam Sơn - Sao Vàng.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh

Hóa, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 1600169024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 05/03/1997, đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 16/08/2024.

1.4. Mã số thuế: 1600169024.

1.5. Loại hình hoạt động: Đầu tư xây dựng khu đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II theo quy định tại STT 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích khu đất được phê duyệt thực hiện dự án là 704.354,0 m². Diện tích đất đã được UBND tỉnh Thanh Hóa giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án là 662.109,9 m², trong đó:

- + Diện tích đất xây dựng 1.163 lô nhà ở phố liên kế: 140.262,4 m²
- + Diện tích đất xây dựng 397 lô nhà ở tái định cư: 45.648,2 m²
- + Diện tích đất xây dựng 195 lô nhà ở shoptel: 28.798,5 m²
- + Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội: 21.920,0 m²
- + Diện tích đất xây dựng nhà ở cao tầng: 20.091 m²
- + Diện tích đất xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ 60.839,9 m²
- + Đất giáo dục: 37.486,0 m²; đất trung tâm văn hóa thể dục thể thao: 8.593,8 m²; đất hành chính: 6.644 m²; đất công viên - cây xanh; 47.232,4 m²
- + Đất giao thông, kỹ thuật: 244.593,7 m²

- Công suất: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực dự án. Quy mô dân số tại dự án khoảng 8.000 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 đến ngày 15 tháng 01 năm 2035).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thọ Xuân và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai (để t/h)
- Sở Tài nguyên Môi trường (để theo dõi);
- UBND huyện Thọ Xuân (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 1.163 lô nhà ở phố liên kế (bao gồm nước thải tắm giặt, rửa tay chân, nước thải nhà bếp, nước thải dội vệ sinh) lưu lượng lớn nhất 558,3 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 397 lô nhà ở tái định cư (bao gồm nước thải tắm giặt, rửa tay chân, nước thải nhà bếp, nước thải dội vệ sinh) lưu lượng lớn nhất 190,6 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 195 lô nhà ở shoptel (bao gồm nước thải tắm giặt, rửa tay chân, nước thải nhà bếp nước thải dội vệ sinh) lưu lượng lớn nhất 93,6 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu thương mại – dịch vụ (đất trung tâm thương mại dịch vụ) (bao gồm nước thải tắm giặt, rửa tay chân, nước thải nhà bếp nước thải dội vệ sinh) lưu lượng lớn nhất 121,7 m³/ngày đêm
- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực đất công cộng (bao gồm giáo dục, trung tâm văn hoá, thể dục, thể thao; khu hành chính phường,..) (bao gồm nước thải tắm giặt, rửa tay chân, nước thải nhà bếp, nước thải dội vệ sinh) lưu lượng lớn nhất 84,2 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

- Dự án có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.600 m³/ngày đêm, sau đó nước tự chảy qua đường ống uPVC, DN250 xả thải ra mương thoát nước chung phía Tây Bắc của dự án và chảy vào suối Rào ở phía Bắc cách khu vực thực hiện dự án khoảng 750m.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước phía Tây Bắc của dự án, sau đó chảy ra suối Rào, đoạn chảy qua thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải tại mương thoát nước phía Tây Bắc của dự án. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X=2199509(m); Y=549757(m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.048,4 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	⁰ C	-	Miễn quan trắc định kỳ	Thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	pH	-	5 – 9		
3	COD	mg/l	-		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	BOD ₅	mg/l	50	03 tháng/lần	Không áp dụng
7	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N	mg/l	50		
10	Phosphat(PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Sunfua (Tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
13	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Tuyến thu gom số 01: Nước thải từ nguồn số 01, số 02 và số 03 (bao gồm: nước thải đại tiện, tiểu tiện → bể tự hoại; Nước thải vệ sinh dụng cụ bếp nấu, lau rửa sàn và rửa bát đĩa khu vực nhà bếp → bể tách dầu mỡ và nước rửa tay chân, tắm giặt) → đường ống uPVC $\phi 200$, cống BTLT $\phi 300$ → đường ống uPVC $\phi 250$ → đường ống uPVC $\phi 315$, cống BTLT $\phi 300$ → đường ống uPVC $\phi 355$, uPVC $\phi 400$ → Bể thu gom chung → đường ống uPVC $\phi 110$ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1.600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Tuyến thu gom số 02: Nước thải từ nguồn số 04 (bao gồm: nước thải đại tiện, tiểu tiện → bể tự hoại; Nước thải vệ sinh dụng cụ bếp nấu, lau rửa sàn và rửa bát đĩa khu vực nhà bếp → bể tách dầu mỡ và nước rửa tay chân, tắm giặt) → đường ống uPVC $\phi 200$, cống BTLT $\phi 300$ → đường ống uPVC $\phi 315$, cống BTLT $\phi 300$ → đường ống uPVC $\phi 355$, uPVC $\phi 400$ → Bể thu gom chung → đường ống uPVC $\phi 110$ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1.600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Tuyến thu gom số 03: Nước thải từ nguồn số 05 (bao gồm: nước thải đại tiện, tiểu tiện → bể tự hoại; Nước thải vệ sinh dụng cụ bếp nấu, lau rửa sàn và rửa bát đĩa khu vực nhà bếp → bể tách dầu mỡ và nước rửa tay chân, tắm giặt) → đường ống uPVC $\phi 200$, $\phi 250$, cống BTLT $\phi 300$ → đường ống uPVC $\phi 315$, cống BTLT $\phi 400$ → đường ống uPVC $\phi 355$, uPVC $\phi 400$ → Bể thu gom chung → đường ống uPVC $\phi 110$ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1.600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

1.2.1. Công trình xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất $1.600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, gồm 2 modul hoạt động song song với nhau: Modul số 01 có công suất $900 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; Modul số 02 có công suất $700 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Hai modul của hệ thống xử lý nước thải tập trung có cùng quy trình công nghệ như sau: Nước thải từ các nguồn → Bể thu gom chung → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đường ống uPVC $\phi 250$ → Mương thoát nước phía Tây Bắc của dự án.

- Công suất thiết kế của hệ thống: $1.600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (gồm 2 modul: Modul số 01 công suất $900 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; Modul số 02 công suất $700 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$).

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH; Javel (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A Phụ lục này).

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng: Mỗi Modul của Hệ thống xử lý nước thải tập trung bố trí lắp đặt 02 đồng hồ đo lưu lượng nước thải (01 đầu vào và 01 đầu ra).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm
- Vị trí lắp đặt: Tại Mương quan trắc nước thải sau khi xử lý, trước khi xả ra mương thoát nước phía Tây Bắc dự án.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: Lắp đặt trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm.
- Kết nối, truyền số liệu: Phải hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá trước khi vận hành thử nghiệm Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 1.600 m³/ngày đêm gồm 2 modul song song (Modul số 1 có công suất 900 m³/ngày đêm; Modul số 2 có công suất 700m³/ngày đêm), trong đó có dung tích các bể xử lý và thiết bị lắp đặt được thiết kế với hệ số an toàn K=1,5 trong trường hợp khẩn cấp, hệ thống xử lý có thể nâng công suất xử lý tối đa lên 2.400 m³/ngày đêm (modul số 01 tối đa lên 1.350m³/ngày đêm, Modul số 02 tối đa lên 1.050m³/ngày đêm) đảm bảo khi 01 Modul gặp sự cố cần sửa chữa thì Modul còn lại vẫn có thể đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh cho toàn bộ dự án.

- Toàn bộ hệ thống cống, đường ống thu gom nước thải và các hố ga, giếng thăm là khép kín và các bể chứa nước của Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng thể tích hữu dụng có thể lưu giữ tạm thời được khoảng 3.902 m³ nước thải (tương đương với lưu lượng nước thải của dự án cần thu gom, xử lý tối đa trong vòng 3,5 ngày) trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí (mỗi loại được trang bị 02 thiết bị: 01 làm việc; 01 dự phòng). Hệ thống xử lý nước thải gồm 2 Modul chạy song song, nên khi gặp sự cố có thể vận hành 01 modul và 01 modul sửa chữa, thay thế thiết bị.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc tự động liên tục để kiểm soát chất lượng nước đầu ra và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm soát.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố phải dừng hoạt động để sửa chữa hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

- + Trường hợp cả 02 Modul gặp sự cố cần sửa chữa, thay thế thiết bị: Công nhân dừng hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải phát sinh được lưu giữ tạm thời trong bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung và đường ống thu gom từ các nguồn về, đồng thời thông báo đến cộng đồng dân cư sinh sống trong dự án biết để hạn chế sử dụng nước đến mức thấp nhất để hạn chế lượng nước thải phát sinh. Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

- + Trường hợp 01 Modul gặp sự cố, công nhân dừng vận hành dừng hoạt động Modul gặp sự cố để khắc phục, sửa chữa, đồng thời tăng hết công suất xử lý của Modul còn lại. Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, đưa Modul vào vận hành xử lý nước thải đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

- + Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, đơn vị quản lý vận hành hệ thống hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng, từ tháng 10/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 1.600 m³/ngày.đêm (gồm 2 modul: Modul số 01 có công suất 900 m³/ngày.đêm; Modul số 02 có công suất 700 m³/ngày.đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại bể gom nước chung trước khi bơm vào 02 Modul xử lý.
- 02 vị trí: 01 tại bể khử trùng nước thải sau Modul số 01 và 01 vị trí tại bể khử trùng nước thải sau Modul số 02.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp phép để giám sát).

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi

trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.7. Trước khi bàn giao công trình cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này; hoàn thành các thủ tục về nghiệm thu, bàn giao công trình xử lý nước thải đảm bảo các chỉ tiêu đáp ứng các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo Mục 2.4.3 phần A của phụ lục này.

3.8. Đối với đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án: Sau khi tiếp nhận quản lý, vận hành, đơn vị tiếp nhận Dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải của dự án, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ Modul số 01 công suất 900 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Khí thải (mùi) phát sinh từ Modul số 02 công suất 700 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: Dự án có 2 dòng khí thải.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống thu gom, xử lý khí thải (mùi) của Modul số 01 công suất 900 m³/ngày đêm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, cao 5m trong khuôn viên của dự án tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống thu gom, xử lý khí thải (mùi) của Modul số 02 công suất 700 m³/ngày đêm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, cao 5m trong khuôn viên của dự án tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả khí thải:

Vị trí xả thải nằm trong khuôn viên của dự án tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Toạ độ vị trí xả khí thải: (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°):

- Dòng khí thải số 01: X = 2198859 (m); Y = 549529 (m)

- Dòng khí thải số 02: X = 2198861 (m); Y = 549560 (m)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.800 m³/giờ (tương ứng với công suất quạt hút của hệ thống xử lý khí thải).

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 2.400 m³/giờ;

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 2.400 m³/giờ;

2.3.1. Phương thức xả thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.3.2. Chất lượng khí thải sau xử lý trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K_p = 1,0 và K_v = 1,0), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải, mùi

- Khí thải, mùi phát sinh từ nguồn số 01 được thu gom bằng đường ống PVC D140 → Quạt hút (công suất hút 2.400 m³/giờ) → Thiết bị xử lý khí thải (tháp hấp phụ khí thải) → Ống thải PVC, D140 → Môi trường.

- Khí thải, mùi phát sinh từ nguồn số 02 được thu gom bằng đường ống PVC D140 → Quạt hút (công suất hút 2.400 m³/giờ) → Thiết bị xử lý khí thải (tháp hấp phụ khí thải) → Ống thải PVC, D140 → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải.

1.2.1 Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Quạt hút công suất 2.400 m³/giờ: 02 cái (mỗi hệ thống 1 cái);
- Tháp hấp phụ khí thải bằng than hoạt tính (chiều cao x Đường kính = 2,5m x 0,8 m): 02 tháp (mỗi hệ thống 01 tháp);

1.2.2. Quy trình công nghệ của hệ thống:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hai hệ thống xử lý khí thải có cùng quy trình công nghệ như sau: Khí thải (mùi) từ các bể xử lý nước thải → Đường ống thu gom PVC D140 → Quạt hút → Tháp hấp phụ (vật liệu hấp phụ bằng than hoạt tính) → Ống thải PVC D140 → Môi trường.

- Công suất xử lý theo thiết kế: 4.800 m³/giờ (theo công suất quạt hút).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thời gian vận hành: 03 tháng (cùng với thời gian vận hành thử nghiệm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.3. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải (mùi) của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.4. Vị trí lấy mẫu:

+ KT1: Tại thân ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ Modul số 1 công suất 900 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ KT2: Tại thân ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ Modul số 2 công suất 700 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý mùi, khí thải. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị, quạt hút.

3.4. Trường hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai bàn giao cho đơn vị khác quản lý, vận hành dự án: Trước khi bàn giao công trình cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải, mùi ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.5. Đối với đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án: Sau khi tiếp nhận quản lý, vận hành, đơn vị tiếp nhận Dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý khí thải (mùi) của dự án, đảm bảo chất lượng khí thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.3.2 Phần A của Phụ lục này. /.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy nén khí, máy thổi khí, máy bơm của Modul số 01 công suất 900 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy nén khí, máy thổi khí, máy bơm của Modul số 2 công suất 700 m³/ngày đêm hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Nằm trong khuôn viên dự án tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ đại diện vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰), như sau:

- Nguồn số 01: X = 2198873 (m); Y = 549522 (m).

- Nguồn số 02: X = 2198875 (m); Y = 549548 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động

ồn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án, dọc hai bên tuyến đường, khu vực cây xanh thảm cỏ nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

1.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	34,0	16 01 06
2	Mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	2,5	08 02 01
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	50,0	16 01 12
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	40,0	17 02 03
5	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	Rắn	25,0	18 02 01
6	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	2.000	12 01 04
Tổng số lượng			2.151,5	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải rắn vệ sinh sân đường, công viên cây xanh	18.250
2	Bùn thải từ hệ thống XLNT	694.445
3	Bùn thải từ bể tự hoại 03 ngăn	104.390
Tổng cộng		817.085

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng trung bình (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3.854

Tổng cộng	3.854
------------------	--------------

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu đô thị tự trang bị các thùng lưu chứa CTNH phát sinh. Thùng lưu chứa bằng nhựa, có nắp đậy.
- Chủ Dự án trang bị các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để lưu chứa CTNH phát sinh tại Kho chứa CTNH nằm trong nhà điều hành của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được lưu giữ tại Kho chứa CTNH nằm trong nhà điều hành của Hệ thống xử lý nước thải tập trung diện tích 12,5 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho CTNH có mái che, tường bao, nền được đổ bê tông, và cửa ra vào tường trát xung quanh; kho được xây dựng kín. Ngoài cửa kho bố trí biển tên, biển cảnh báo và danh mục CTNH được tập kết; Tại cửa kho có gờ chắn để chất thải nguy hại khi có sự cố không bị tràn ra ngoài.
- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải: Thuê đơn vị chức năng định kỳ nạo hút bùn cặn phát sinh từ các bể tự hoại, bể lắng, bể tách dầu thu gom thu gom, vận chuyển và xử lý. Định kỳ 6 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu đô thị tự trang bị các thùng lưu chứa chất thải hoặc các bao bì mềm PE, PP hai lớp để thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để đơn vị thu gom đến vận chuyển đưa đi xử lý tần suất 01/ngày/lần; Các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, có bánh xe đẩy.
- Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác có nắp đậy kín tại nơi công cộng như dọc đường giao thông nội bộ, các khu vực công cộng,...

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Không bố trí khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt;
- Chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị chức năng đến thu gom hằng ngày (01 lần/ngày) đưa đi xử lý theo quy định. Không lưu chứa chất thải sinh hoạt tại dự án.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố đối với nước thải; ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP/.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai đã hoàn thành một số các công trình bảo vệ môi trường Dự án số 2, Khu đô thị mới Sao Mai, Lam Sơn – Sao Vàng tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 28/5/2021. Giai đoạn tiếp theo, công ty tiếp tục phải hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

+ Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống hạ tầng, hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án đối với diện tích 42.244,1 m² đất chưa được GPMB sau khi được UBND tỉnh giao đất.

+ Lắp đặt trạm quan trắc tự động trước trước khi vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung và thực hiện kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá.

2. Yêu cầu Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai thực hiện vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 trước khi bàn giao cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Trước khi bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành và khai thác dự án: Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai phải thực hiện:

- Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số

điều của Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa, Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

- Hoàn thành kết nối, truyền số liệu quan trắc tự động liên tục về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

2. Sau khi Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành: Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác dự án có trách nhiệm tiếp tục vận hành các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại giấy phép này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./